

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Điện tử-Viễn thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Hải Châu

2. Ngày tháng năm sinh: 26/12/1980; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: xã Trà Giang, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số 12-B2, Tập thể Công ty Công trình Bưu điện, Tổ 5, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Lê Hải Châu, Khoa Viễn thông 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10-đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0911465080;

E-mail: chaulh@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến năm 2018: Giảng viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Từ năm 2006 đến năm 2014: Nghiên cứu sinh/Trợ lý nghiên cứu (Research Assistant)/Nghiên cứu viên sau tiến sĩ (Postdoc) tại Đại học Nagoya, Nhật Bản

Từ năm 2013 đến năm 2013: Nghiên cứu viên mời tại Phòng thí nghiệm mạng quang (ONlab), Học viện Công nghệ Hoàng gia (KTH), Thụy Điển

Từ năm 2014 đến năm 2015: Nghiên cứu viên tại Phòng thí nghiệm hệ thống mạng thế hệ kế tiếp, Đại học California, Davis, Hoa Kỳ

Từ năm 2019 đến năm 2020: Phó trưởng Bộ môn tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Viễn thông 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Địa chỉ cơ quan: Km10, đường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02438549352

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 02 năm 2003, ngành: Điện tử-Viễn thông, chuyên ngành: Điện tử-Viễn thông

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Việt nam

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 03 năm 2009, ngành: Kỹ thuật điện và Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Nagoya, Nhật Bản

- Được cấp bằng TS ngày 26 tháng 03 năm 2012, ngành: Kỹ thuật điện và Khoa học máy tính, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nagoya, Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Công nghệ truyền thông quang:

- Thiết kế và phân tích hiệu năng các hệ thống thiết bị quang
- Kiến trúc và giao thức điều khiển mạng quang
- Công nghệ và kỹ thuật quang truy nhập băng rộng

+ Công nghệ và kỹ thuật mạng thông tin:

- Mô hình hóa và phân tích hiệu năng hệ thống
- Thiết kế và tối ưu hoá mạng
- Kỹ thuật lưu lượng
- Công nghệ và giao thức mạng mới

+ Giải pháp và công nghệ mạng Internet thế hệ kế tiếp (SDN, NFV, ...).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức

danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 5 đề tài NCKH cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 54 bài báo KH, trong đó 54 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản cho các thành tích đóng góp cho phong trào hoạt động của thanh niên và sinh viên tại Nhật bản năm 2006-2007	Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản	2007
2	Bằng khen của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản cho các thành tích đóng góp cho phong trào hoạt động của thanh niên và sinh viên tại Nhật bản năm 2007-2008	Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản	2008
3	Giấy khen của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản cho các thành tích đóng góp cho phong trào hoạt động của thanh niên và sinh viên tại Nhật bản năm 2010	Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản	2011
4	Giấy khen của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản cho các thành tích đóng góp cho phong trào hoạt động của thanh niên và sinh viên tại Nhật bản năm 2013	Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Nhật Bản	2014

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Trong suốt quá trình công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học bắt đầu từ năm 2003 đến nay, tôi luôn cố gắng, nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên; luôn có thái độ chính trị đúng đắn; sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, nghiêm túc chấp hành đường lối chính sách của Đảng và nhà nước; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; có tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy với công việc; luôn gương mẫu và có tư cách đúng đắn trước sinh viên và đồng nghiệp.

Về nhiệm vụ, tôi đã thực hiện tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu, và hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Tôi luôn chủ động, tích cực trong việc tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nội dung, chương trình và khối lượng giảng dạy cũng như công tác nghiên cứu khoa học; có ý thức xây dựng định hướng nghiên cứu và học thuật cho Bộ môn và cá nhân; thường xuyên cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn và cập nhật kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến, tham gia tổ chức và báo cáo tại các hội nghị khoa học quốc tế nhằm tăng cường quan hệ trao đổi học thuật với các nhà giáo, nhà khoa học trong và ngoài nước.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 8 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2005-2006					285		285/305,1/270
2	2015-2016				6	285		285/414,5/270

3	2016-2017			1	6	465		465/518,2/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018			2	4	353	30	383/528,8/270
5	2018-2019		1		4	465	30	495/631/270
6	2019-2020		1	1	5	300	30	330/449,4/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Nghiên cứu viên tại Đại học California, Davis, Hoa Kỳ giai đoạn 2014-2015

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Hải Hà		X	X		01/2016 đến 07/2016	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	27/09/2016
2	Nguyễn Đông Đức		X	X		01/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	02/02/2018
3	Vũ Tuấn Hưng		X	X		06/2017 đến 12/2017	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	2/2/2018
4	Trần Văn Toàn		X	X		07/2019 đến 02/2020	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	16/03/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Công nghệ truyền tải quang	HD	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, năm 2016	5	CB	(Chương 1 (1-14), Chương 3 (122-163) và các phần 5.4 (198-204) và 6.3 (242-247))	595/QĐ-HV, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Giải pháp điều khiển và cải thiện hiệu năng cho mạng truyền tải quang lưới bước sóng linh hoạt đa miền sử dụng trạm lặp 4R	CN	24-2015-HV-VT1, cấp Cơ sở	01/03/2015 đến 05/12/2015	(08/12/2015) / Xuất sắc
2	Đánh giá hiệu năng của mạng quang lưới bước sóng linh hoạt đa miền ứng dụng kỹ thuật tái tạo tín hiệu mềm dẻo ảo hoá (VER) với dung lượng giới hạn	CN	06-HV-2016-VT1, cấp Cơ sở	01/03/2016 đến 10/12/2016	(15/12/2016) / Xuất sắc
3	Cải thiện hiệu năng mạng truyền thông quang đường trục tốc độ cao cấp phát băng thông linh hoạt	CN	19-HV-2017-VT1, cấp Cơ sở	1/3/2017 đến 30/11/2017	(22/12/2017) / Xuất sắc
4	Nghiên cứu giải pháp thiết kế và điều khiển cho mạng quang tốc độ cao cấp phát băng thông linh hoạt cho mạng đường trục Internet tron tương lai	CN	04-HV-2018-VT1, cấp Cơ sở	1/5/2018 đến 30/11/2018	(23/12/2018) / Xuất sắc

5	Nghiên cứu giải pháp mạng truyền tải quang tăng cường hiệu năng Internet tương lai	CN	07-2019- HV-VT1, cấp Cơ sở	1/5/2019 đến 30/11/2019	(10/12/2019) / Xuất sắc
---	--	----	----------------------------	-------------------------	-------------------------

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Impact of Electrical Grooming and Regeneration of Wavelength Paths in Creating Hierarchical Optical Path Networks	3	Có	Optics Express (ISSN: 1094-4087)	ISI (Q1) - SCI IF: 3.561	4	19 , 26, B882-B894	2011

2	Hybrid- Hierarchical Optical Path Network Design Algorithms Utilizing ILP Optimization	3	Có	Optical Switching and Networking (ISSN: 1573-4277)	ISI (Q2) - SCIE IF: 1.353	2	8 , 4, 226-234	2011
3	Hybrid Hierarchical Optical Path Network Design Algorithm with 2-stage ILP Optimization	3	Có	SPIE International Society for Optical Engineering (Proceedings of SPIE) ISSN: 0277- 786X	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus	5	7899 , 798902- 798902- 6	2011
4	Hierarchical Optical Path Network Design Algorithm Considering Waveband Add/Drop Ratio Constraint	3	Có	Journal of Optical Communications and Networking (ISSN: 1943-0620)	ISI (Q1) - SCIE IF: 3.093	22	2 , 10, 872- 882	2010

5	A Design Algorithm for Multi-Granular Optical WDM Mesh Networks Utilizing WSS/WBSS-Based Cross-Connect	3	Có	VAST Journal of Science and Technology: Special Issue on Electronics, Communications and Information ISSN: 0866-708X	Tạp chí quốc gia		1 , 1, 93-110	2010
6	Hybrid Optical WDM Networks Utilizing Optical Waveband and Electrical Wavelength Cross-connects	3	Có	IEEE/OSA Optical Fiber Communication Conference and Exposition and the National Fiber Optic Engineers Conference (OFC/NFOEC 2011)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	2	ISBN: 978-1-4577-021 , 1-3	2011
7	Impact of Electrical Grooming and Regeneration of Wavelength Paths in Creating Hierarchical Optical Path Networks	3	Có	37th European Conference and Exhibition on Optical Communications (ECOC 2011) (ISSN: 1550-381X)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	1	ISBN: 978-1-4577-191 , We.8.K.2	2011

8	Impacts of Electrical Grooming in Hierarchical Optical Path Networks	3	Có	Japan IEICE General Conference (ISSN: 1349-1377)	Kỷ yếu hội nghị IEICE Nhật bản		2 , B-12-15	2010
9	Cost Evaluation of Hybrid-Hierarchical Optical Cross-connects based Optical Path Networks	3	Có	IEEE The 3rd International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2010)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	5	ISBN: 978-1-4244-705 , 40-45	2010
10	Hybrid Hierarchical Optical Path Network Design Algorithm with 2-stage ILP Optimization	3	Có	SPIE/IEEE/OSA Asia Communications and Photonics Conference and Exhibition (ACP 2010) (ISSN: 2162-108X)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	1	ISBN: 978-1-4244-711 , 33-34	2010
11	Evaluation of Hierarchical Optical Path Networks Employing Waveband and Electrical Cross-Connects	3	Có	Japan IEICE General Conference (ISSN: 1349-1377)	Kỷ yếu hội nghị IEICE Nhật bản		2010 , 2, B-12-30	2010

12	Hierarchical Optical Path Network Design Algorithm that can Best Utilize WSS/WBSS based Cross-connects	3	Có	IEEE International Conference on Photonics in Switching (PS 2009) (ISSN: 2155-8507)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	5	ISBN: 978-1-4244-385, 1-2	2009
13	Hierarchical Optical Path Network Design Considering Waveband Add/Drop Ratio Restriction and Network Cost Analysis on Different Network Parameters	3	Có	Technical report of Japan IEICE Optical Communication Systems (OCS) (ISSN: 0913-5685)	Báo cáo kỹ thuật IEICE		108, 423, 13-18	2009
14	Cost Evaluation of Hierarchical Optical Path Networks Applying Waveband Add/Drop Ratio Constraint to Each Waveband	3	Có	Japan IEICE General Conference (ISSN: 1349-1377)	Kỷ yếu hội nghị IEICE Nhật bản		2009, 2, B-12-1	2009

[illegible]

18	Spectrum Utilization Efficiency of Elastic Optical Networks Utilizing Coarse Granular Routing	2	Có	Informatica (ISSN: 0350-5596)	ISI (ESCI) - Scopus		42 , 3, 293-300	2018
19	A Priority-Based Multiobjective Design for Routing, Spectrum, and Network Coding Assignment Problem in Network-Coding-Enabled Elastic Optical Networks	3	Không	IEEE Systems Journal (ISSN: 1932-8184)	ISI (Q1) - SCI IF: 4.463	2	14 , 2, 2358 - 2369	2020
20	Performance Comparison of Dynamic Elastic Optical Networks with Optical Regeneration	2	Có	Journal of Research and Development on Information and Communication Technology	Tạp chí quốc gia có uy tín		Vol2019 , 1, 43-51	2019

21	Development of Dynamic QoT-aware Lightpath Provisioning Scheme with Flexible Advanced Reservation for Distributed Multi-domain Elastic Optical Networks	3	Có	Proceedings of the Tenth International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2019)	Kỷ yếu hội thảo quốc tế ACM - Scopus		, 210-215	2019
22	Development of SDN-based WiFi AP Using OpenWrt and Raspberry Pi 3	2	Có	Journal of Science and Technology on Information and Communications (ISSN: 2525-2224)	Tạp chí quốc gia		CS.01 , 01, 57-62	2020
23	Giải pháp định tuyến và gán phổ tần động hiệu quả cho mạng quang SD-EON đa miền điều khiển phân tán	2	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Công nghiệp Hà nội (ISSN: 1859-3585)	Tạp chí quốc gia		48.2018, 87-93	2019

24	Development of a QoS Provisioning Capable Cost-Effective SDN-based Switch for IoT Communication	3	Có	2018 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2018) (E-ISSN: 2162-1039)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE		, 220-225	2018
25	Giải pháp điều khiển động dựa vào chất lượng truyền dẫn sử dụng cơ chế đặt trước tài nguyên linh hoạt cho mạng EON định nghĩa bằng phần mềm	3	Có	Hội nghị quốc gia lần thứ XXI về điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (REV-ECIT 2018)	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam		, 218-223	2018
26	Đánh giá hiệu năng các giải pháp đảm bảo chất lượng dịch vụ trong mạng IoT định nghĩa bằng phần mềm	4	Có	Hội nghị quốc gia lần thứ XXI về điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (REV-ECIT 2018)	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam		, 224-229	2018

27	High-capacity mixed fiber-wireless backhaul networks using MMW radio-over-MCF and MIMO	4	Không	Optics Communications (ISSN: 0030-4018)	ISI (Q2) - SCI IF: 1.961	3	400 , 43-49	2017
28	Numerical Analysis of the Performance of Millimeter-wave RoF-based Cellular Backhaul Links	4	Không	Journal of Optical Communications (ISSN: 2191-6322)	Tạp chí quốc tế - Scopus	4	38 , 4, 309-318	2017
29	A Study on Coarse Granular Routing Elastic Optical Networks	2	Có	PTIT Journal of Science and Technology on Information and Communications (ISSN: 2525-2224)	Tạp chí quốc gia		01 , 02-03, 63-70	2017
30	A Performance Comparison of Gigabit-Capable Backhauling Solutions for 5G Cellular Networks	5	Không	UDN Journal of Science and Technology: Issue in Information and Communications Technology (ISSN: 1859-1531)	Tạp chí quốc gia		3 , 1, 38-45	2017

31	Giải pháp định tuyến động hiệu quả cho mạng quang lưới bước sóng linh hoạt đa miền phân tán	3	Có	Hội nghị quốc gia 2017 về điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (REV-ECIT 2017)	Kỷ yếu hội thảo Hội vô tuyến-điện tử Việt nam		, 53-57	2017
32	Spectrum Utilization of Coarse Granular Routing Elastic Optical Network	3	Có	Eighth International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT 2017)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế ACM - Scopus	1	ISBN: 978-1-4503-532 , 197-203	2017
33	Impact of Optical Regeneration on Dynamic Elastic Optical Networks	3	Có	2017 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2017) (E-ISSN: 2162-1039)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE		E-ISBN: 978-1-5386-2 , 11-15	2017
34	Performance Analysis of Gigabit-Capable Radio Access Networks Exploiting TWDM-PON and RoF Technologies	4	Không	PTIT Journal of Science and Technology on Information and Communications (ISSN: 2525-2224)	Tạp chí quốc gia		1 , 2, 78-86	2016

35	Performance Analysis of Gigabit-capable Mobile Backhaul Networks Exploiting TWDM-PON and FSO Technologies	5	Không	2016 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2016) (E-ISSN: 2162-1039)	Kỹ yếu hội nghị quốc tế IEEE	5	E-ISBN: 978-1-5090-2180-185	2016
36	Performance Analysis of MMW/RoF Link in Broadband Optical-Wireless Access Networks	4	Không	IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2016)	Kỹ yếu hội nghị IEEE	1	ISBN: 978-1-5090-209153-158	2016
37	Spectrum Utilization Efficiency in Elastic Optical Networks Using Virtualized Elastic Regenerators	3	Có	IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2016)	Kỹ yếu hội nghị IEEE	1	ISBN: 978-1-5090-209159-164	2016

38	Dynamic RMSA Algorithm for Multi- domain EONs with Limited Virtualized Elastic Regenerators	3	Có	IEEE 6th International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2016)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	4	E- ISBN: 978-1- 5090-1 , 46-51	2016
39	Dynamic Provisioning in Multi- stage Routing Optical Path Networks	4	Có	IEEE International Conference on Computing, Management and Telecommunications (ComManTel 2015)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE		E- ISBN: 978-1- 4673-6 , 214- 218	2015
40	Dynamic Multi-domain Elastic Optical Networks with 4R Regeneration Capable Border Nodes	3	Có	IEEE/NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2015)	Kỷ yếu hội nghị IEEE	5	ISBN: 978-1- 4673- 663 , 169- 173	2015

41	Distributed control plane with spectral fragmentation-aware RMSA and flexible reservation for dynamic multidomain software-defined elastic optical networks	3	Có	Optical Fiber Communications Conference and Exhibition (OFC), 2015	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	7	ISBN: 978-1-5575-293 , 1-3	2015
42	Performance evaluation of large-scale multi-stage hetero-granular optical cross-connects	3	Có	Optics Express (ISSN: 1094-4087)	ISI (Q1) - SCI IF: 3.561	11	22 , 3, 3157-3168	2014
43	Large capacity optical networks applying multi-stage hetero-granular optical path routing	3	Có	Optical Switching and Networking (ISSN: 1573-4277)	ISI (Q2) - SCIE IF: 1.353	4	11 , A, 105-112	2014

44	Performance Evaluation of Large-scale OXC Architectures that Utilize Intra-node Routing Restriction	4	Có	18th Opto-Electronics and Communications Conference/Photonics in Switching (OECC/PS 2013) ISSN: 2155-8507	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	3	ISBN: 978-4-88552-27, MQ2-2	2013
45	Evaluation of Hardware Requirements for Large-scale OXC Architecture Employing Wavelength Switching and Fiber Selection	4	Không	18th Opto-Electronics and Communications Conference/Photonics in Switching (OECC/PS 2013) (ISSN: 2155-8507)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	2	ISBN: 978-4-88552-27, WT2-2	2013
46	Cost Effective Optical Networks that Utilize Hetero-granular Multi-stage Routing	3	Có	Japan IEICE General Conference ISSN: 1349-1377	Kỷ yếu hội nghị IEICE Nhật bản		2013, B-12-23	2013

47	Impact of Intra-node Parameters in Multi-stage Hetero- granular Optical Path Routing Network	3	Có	Japan IEICE Society Conference ISSN: 1349-14XX	Kỷ yếu hội nghị IEICE Nhật bản		2013 , 2,	2013
48	Performance Evaluation of Large-scale OXCs that Employ Multi-stage Hetero- granular Optical Path Switching	3	Có	39th European Conference and Exhibition on Optical Communication (ECOC 2013) E- ISBN: 978-1- 84919-759-5	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus	2	, Th.2.E.3	2013
49	A Comparison of Large- scale Selective Switch-based Optical Cross- connects	3	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2013) (ISSN: 2162-1020 ISBN: 978-1-4799-1086-1)	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE		, 55-59	2013

50	A Study on Waveband Routing Optical Networks Employing Waveband Selective Switch-based Cross-Connects	2	Không	VAST Tạp chí Khoa học và Công Nghệ (ISSN: 0866-708X)	Tạp chí quốc gia có uy tín		50 , 1, 1-12	2012
51	Impact of Optical Transparent Reach on the Performance of Translucent Multi-granular Optical Path Networks	3	Có	IEEE 4th International Conference on Communications and Electronics (ICCE 2012) (ISBN: 978-1-4673-2492-2)	Kỹ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus		, 1-6	2012
52	A Large Capacity Optical Cross-connect Architecture Exploiting Multi-Granular Optical Path Routing	3	Có	IEEE International Conference on Photonics in Switching (PS 2012) ISSN: 2155-8507 E-ISBN: 978-2-9123-2861-8	Kỹ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus		, 1-3	2013

53	Performance Evaluation of Optical Path Networks Utilizing Waveband Selective Switch-based Cross-connects	4	Có	International Conference on Advanced Technologies for Communications ISSN: 2162-1020	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE		ISBN: 978-1-4673-435 , 323-326	2012
54	Design of optical path networks employing large-capacity WSS/WBSS-Combined optical cross-connects	3	Có	Asia Communications and Photonics Conference and Exhibition (APC 2012) ISSN: 2162-108X	Kỷ yếu hội nghị quốc tế IEEE - Scopus		ISBN: 978-1-4673-627 , AF4A.49	2012

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 28

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
----	-----------------	-------------------------------	-----------------------------------	------------

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
1	Bài báo xuất sắc nhất hội nghị quốc tế	Hội nghị quốc tế CLEO-PR và OECC/PS 2013 (The 10th Conference on Laser and Electro-Optics Pacific Rim and the 18th OptoElectronics and Communications Conference/Photonics in Switching 2013)	30/06/2013 ngày 30/06/2013	4
2	Hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt giải ba, giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học" năm 2018	Bộ giáo dục và đào tạo	4897-QĐ/BGDĐT ngày 12/11/2018	1
3	Hướng dẫn sinh viên có đề tài đạt giải ba, giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học" năm 2019	Bộ giáo dục và đào tạo	4501 ngày 20/11/2019	1

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 1 2 3

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
----	--	---------	------------------------

1	Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Tài chính (Fintech)	Tham gia	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông
2	Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Dữ liệu	Tham gia	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)